

PHỤ LỤC

- Mô tả mẫu điều tra
- Bảng sai số chọn mẫu
 - Cả nước
 - Thành thị cả nước
 - Nông thôn cả nước
- Phiếu hỏi

PHỤ LỤC 1

MÔ TẢ MẪU ĐIỀU TRA

		Nhóm tuổi			Tình trạng hôn nhân		Tổng
		14-17	18-21	22-25	Đã có chồng/vợ	Chưa có chồng/vợ	
Khu vực	Thành phố, thị xã	1020	919	723	255	2407	2662
	Nông thôn	2208	1625	1089	902	4020	4922
Nhóm tuổi	14-17	3228			15	3213	3228
	18-21		2544		338	2206	2544
	22-25			1812	804	1008	1812
Dân tộc	Kinh, Hoa	2708	2160	1527	834	5561	6395
	Các dân tộc khác	520	384	285	323	866	1189
Các vùng sinh thái	Đồng bằng Sông Hồng	679	626	420	183	1542	1725
	Đông bắc	446	328	246	221	799	1020
	Tây bắc	216	129	89	114	320	434
	Bắc Trung bộ	344	201	118	95	568	663
	Duyên hải miền Trung	195	152	104	66	385	451
	Tây Nguyên	265	172	121	99	459	558
	Đông Nam bộ	555	510	388	156	1297	1453
	Đồng bằng sông Cửu long	528	426	326	223	1057	1280
Giới	Nam	1603	1274	876	386	3367	3753
	Nữ	1625	1270	936	771	3060	3831
Tổng		3228	2544	1812	1157	6427	7584

BẢNG SAI SỐ CHỌN MẪU CẢ NƯỚC

	Giá trị	Sai số chuẩn	Khoảng tin cậy 95%		Số quan sát
Từng học việc	18,90	0,46948	17,97	19,84	7.584
Từng đi làm kiếm tiền	54,86	1,12873	52,61	57,12	7.584
Đang làm việc kiếm tiền	34,45	1,02157	32,40	36,49	7.584
Hài lòng với công việc hiện tại	78,16	1,08586	75,99	80,34	2.650
Đang tìm việc (khác)	15,58	0,31740	14,95	16,22	7.584
Tích cực tìm việc trong tuần qua	42,87	2,60174	37,67	48,07	1.223
Đã từng đi học	96,19	0,18223	95,83	96,56	7.584
Trong số đã từng đi học: hiện đang đi học	44,83	1,02447	42,78	46,88	7.297
Đã từng học thêm	69,10	1,90067	65,30	72,90	2.841
Từng bị người trong gia đình đánh bị thương	2,22	0,03967	2,14	2,30	7.584
Không chơi với nhóm bạn	12,38	0,28566	11,81	12,96	7.584
Có cha mẹ chết (một hoặc cả hai)	9,79	0,28096	9,22	10,35	7.584
Cha mẹ ly dị	2,63	0,07312	2,48	2,77	7.584
Sống xa cha mẹ	9,74	0,31104	9,12	10,36	7.584
Là thành viên của một câu lạc bộ trong cộng đồng	40,07	0,89210	38,29	41,86	7.584
Trong số đã học nghề, tìm được đúng nghề đã học	67,13	3,35344	60,42	73,84	1.037
Biết đọc biết viết	92,82	0,42544	91,96	93,67	7.584
Internet là một nguồn thông tin về kế hoạch hóa gia đình	7,16	0,16986	6,82	7,50	7.584
Đã từng nghe nói về internet	71,55	1,75522	68,04	75,06	7.584
Đã từng sử dụng internet	17,28	0,94200	15,40	19,17	7.584
Có nhiều nguồn thông tin về HIV	49,28	0,93783	47,41	51,16	7.584
Có cả 4 nguồn thông tin về HIV	61,55	0,96391	59,62	63,48	7.584
Có thông tin đại chúng là nguồn thông tin về HIV	96,46	0,29233	95,88	97,05	7.584
Có gia đình là một nguồn thông tin về HIV	88,18	0,47899	87,22	89,14	7.584
Có các nhà chuyên môn (thầy thuốc/thầy giáo) là nguồn thông tin về HIV	85,26	0,75226	83,75	86,76	7.584
Có các tổ chức đoàn thể là nguồn thông tin về HIV	68,15	0,75091	66,65	69,65	7.584
Đã nghe nói về HIV/AIDS	97,00	0,24663	96,50	97,49	7.584
Nói không biết về đồng tính luyến ái	41,16	0,95194	39,26	43,07	7.252
Biết ít nhất 3 nơi có thể xét nghiệm HIV	63,72	0,65379	62,41	65,03	7.584
Biết ít nhất 6 hành động có thể làm giảm lây nhiễm HIV	82,94	0,69251	81,55	84,32	7.584
Chỉ có một bạn tình	77,91	0,30430	77,30	78,52	6.882
Không quan hệ tình dục với người lạ	89,15	0,18924	88,77	89,53	7.090
Tránh quan hệ tình dục	76,97	0,33498	76,30	77,64	6.972
Tránh mua dâm/bán dâm	92,46	0,11694	92,23	92,69	7.136
Tránh dùng chung bơm kim tiêm	95,66	0,07181	95,51	95,80	7.224
Tránh truyền máu không an toàn	94,78	0,10131	94,58	94,98	7.165

Đã từng mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục	0,26	0,00498	0,25	0,27	6.638
Chưa bao giờ cảm thấy chán về cuộc đời	67,38	0,48185	66,42	68,35	7.584
Chưa bao giờ buồn chán đến mức không thể hoạt động như bình thường	74,61	0,37974	73,85	75,37	7.584
Chưa bao giờ cảm thấy thất vọng về tương lai	79,96	0,32876	79,31	80,62	7.584
Đã từng bị vợ hoặc chồng đánh	5,25	0,69176	3,86	6,63	1.158
Đã từng bị vợ hoặc chồng làm những điều xấu sau (ít nhất 1/4)	30,83	2,24797	26,33	35,32	1.158
Từng dùng thử ma túy	0,47	0,00759	0,46	0,49	7.584
Từng tham gia đua xe máy	1,21	0,01507	1,18	1,24	7.584
Từng tham gia gây rối	2,49	0,04746	2,40	2,59	7.584
Từng có quan hệ tình dục trước hôn nhân	7,60	0,23207	7,13	8,06	7.584
Trong số đã có gia đình, từng quan hệ tình dục với người khác ngoài vợ chồng mình	6,03	0,74350	4,54	7,52	1.157
Trong số chưa có gia đình, đã từng có quan hệ tình dục	4,87	0,10442	4,66	5,08	6.427
Đã từng đánh ai đó đến mức phải điều trị	1,35	0,02889	1,30	1,41	7.584
Đã từng mang vũ khí	2,30	0,04077	2,22	2,38	7.584
Đã từng bị người ngoài đánh bị thương	8,03	0,12430	7,78	8,28	7.584
Đã từng bị người trong gia đình đánh bị thương	2,22	0,03967	2,14	2,30	7.584
Số các chỉ số bạo lực (thang điểm)	0,14	0,00003	0,14	0,14	7.584
Đã từng tự gây thương tích	2,81	0,05220	2,70	2,91	7.584
Đã từng hút thuốc	22,38	0,39611	21,59	23,18	7.584
Hiện đang hút thuốc nhiều hơn 1 lần 1 tuần	68,95	1,79079	65,37	72,54	1.741
Có người trong gia đình hút thuốc	66,42	0,60261	65,22	67,63	7.584
Đã từng uống hết 1 ly rượu hoặc 1 vại bia	48,58	0,61786	47,34	49,82	7.584
Đã từng say rượu bia	47,75	1,02945	45,69	49,81	4.841
Đã từng nghe nói về thuốc phiện, ma túy, heroin	81,77	0,65752	80,45	83,08	7.584
Biết ai đã dùng ma túy, thuốc phiện, heroin	25,99	0,90572	24,18	27,80	7.584
Có biết phụ nữ trẻ em (nào) bị buôn bán	81,61	0,73773	80,14	83,09	7.584
Biết ít nhất một biện pháp tránh thai	97,26	0,09140	97,07	97,44	7.584
Đã từng sử dụng biện pháp tránh thai	14,52	0,45625	13,61	15,43	7.584
Hiện đang sử dụng biện pháp tránh thai	11,13	0,35972	10,41	11,85	7.584
Trong lần ốm bệnh gần đây nhất có đi chữa trị	68,15	0,63095	66,89	69,42	7.584
Tuổi kết hôn lần đầu	20,01	0,00945	19,99	20,03	1.155
Tuổi có thai lần đầu	20,05	0,00997	20,03	20,07	717
Tuổi sinh con lần đầu	20,42	0,01265	20,40	20,45	610
Tuổi bắt đầu hút thuốc	16,98	0,00642	16,97	16,99	1.720
Tuổi bắt đầu uống rượu bia	16,77	0,00341	16,77	16,78	3.770
Tuổi bắt đầu xa nhà từ 1 tháng trở lên	16,73	0,00965	16,71	16,75	2.101
Tuổi bắt đầu đi làm kiếm tiền	16,45	0,00579	16,44	16,47	4.099
Tuổi bắt đầu đi học	6,63	0,00105	6,62	6,63	7.256
Tuổi thôi học	15,17	0,00967	15,15	15,19	3.891
Quyết định trong việc chọn vợ/chồng	36,33	3,46739	29,39	43,26	1.158
Đã từng sống xa nhà từ một tháng trở lên	29,79	0,60837	28,58	31,01	7.584

THÀNH THỊ CẢ NƯỚC

	Giá trị	Sai số chuẩn	Khoảng tin cậy 95%		Số quan sát
Từng học việc	26,57	1,66317	23,24	29,90	2.662
Từng đi làm kiếm tiền	51,80	2,39490	47,01	56,59	2.662
Đang làm việc kiếm tiền	35,38	2,46191	30,46	40,30	2.662
Hài lòng với công việc hiện tại	81,60	3,09587	75,40	87,79	954
Đang tìm việc (khác)	16,20	0,94890	14,30	18,10	2.662
Tích cực tìm việc trong tuần qua	45,08	8,17772	28,72	61,43	465
Đã từng đi học	98,64	0,22751	98,18	99,09	2.662
Trong số đã từng đi học: hiện đang đi học	53,38	2,48365	48,41	58,35	2.630
Đã từng học thêm	78,29	4,17023	69,94	86,63	1.038
Từng bị người trong gia đình đánh bị thương	3,00	0,15248	2,70	3,30	2.662
Không chơi với nhóm bạn	11,34	1,34803	8,64	14,04	2.662
Có cha mẹ chết (một hoặc cả hai)	9,84	0,84153	8,15	11,52	2.662
Cha mẹ ly dị	4,73	0,35411	4,02	5,44	2.662
Sống xa cha mẹ	5,98	0,32102	5,33	6,62	2.662
Là thành viên của một câu lạc bộ trong cộng đồng	40,44	4,54499	31,35	49,53	2.662
Trong số đã học nghề, tìm được đúng nghề đã học	66,09	7,86853	50,35	81,82	469
Biết đọc biết viết	96,93	0,43216	96,06	97,79	2.662
Internet là một nguồn thông tin về kế hoạch hóa gia đình	16,01	0,97802	14,06	17,97	2.662
Đã từng nghe nói về internet	90,29	2,53654	85,21	95,36	2.662
Đã từng sử dụng internet	45,31	6,97887	31,35	59,27	2.662
Có nhiều nguồn thông tin về HIV	57,52	2,14818	53,22	61,82	2.662
Có cả 4 nguồn thông tin về HIV	66,16	2,08453	61,99	70,33	2.662
Có thông tin đại chúng là nguồn thông tin về HIV	99,25	0,05332	99,14	99,35	2.662
Có gia đình là một nguồn thông tin về HIV	92,94	0,59092	91,76	94,12	2.662
Có các nhà chuyên môn (thầy thuốc/thầy giáo) là nguồn thông tin về HIV	92,54	1,13173	90,28	94,80	2.662
Có các tổ chức đoàn thể là nguồn thông tin về HIV	70,11	1,71510	66,68	73,54	2.662
Đã nghe nói về HIV/AIDS	99,51	0,04111	99,43	99,59	2.662
Nói không biết về đồng tính luyến ái	23,44	3,13525	17,17	29,71	2.618
Biết ít nhất 3 nơi có thể xét nghiệm HIV	61,16	2,45552	56,25	66,08	2.662
Biết ít nhất 6 hành động có thể làm giảm lây nhiễm HIV	88,59	1,18262	86,22	90,96	2.662
Chỉ có một bạn tình	76,22	0,92628	74,37	78,07	2.512
Không quan hệ tình dục với người lạ	89,17	0,43340	88,30	90,03	2.591
Tránh quan hệ tình dục	73,31	1,04654	71,21	75,40	2.533
Tránh mua dâm/bán dâm	93,08	0,33159	92,42	93,74	2.613
Tránh dùng chung bơm kim tiêm	96,11	0,14632	95,82	96,41	2.625
Tránh truyền máu không an toàn	96,04	0,19744	95,65	96,44	2.618

Đã từng mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục	0,43	0,02296	0,38	0,47	2.518
Chưa bao giờ cảm thấy chán về cuộc đời	63,75	2,04048	59,67	67,83	2.662
Chưa bao giờ buồn chán đến mức không thể hoạt động như bình thường	71,53	1,84535	67,84	75,22	2.662
Chưa bao giờ cảm thấy thất vọng về tương lai	77,95	1,25688	75,44	80,47	2.662
Đã từng bị vợ hoặc chồng đánh	6,57	2,38295	1,80	11,33	255
Đã từng bị vợ hoặc chồng làm những điều xấu sau (ít nhất 1/4)	33,72	11,37780	10,97	56,48	255
Từng dùng thử ma túy	0,62	0,02204	0,58	0,67	2.662
Từng tham gia đua xe máy	2,15	0,08458	1,98	2,31	2.662
Từng tham gia gây rối	3,78	0,23897	3,30	4,26	2.662
Từng có quan hệ tình dục trước hôn nhân	9,03	0,62545	7,78	10,28	2.662
Trong số đã có gia đình, từng quan hệ tình dục với người khác ngoài vợ chồng mình	5,67	1,82667	2,02	9,33	255
Trong số chưa có gia đình, đã từng có quan hệ tình dục	7,14	0,43739	6,26	8,01	2.407
Đã từng đánh ai đó đến mức phải điều trị	1,45	0,07896	1,29	1,61	2.662
Đã từng mang vũ khí	3,77	0,19746	3,37	4,16	2.662
Đã từng bị người ngoài đánh bị thương	8,05	0,33092	7,39	8,72	2.662
Đã từng bị người trong gia đình đánh bị thương	3,00	0,15248	2,70	3,30	2.662
Số các chỉ số bạo lực (thang điểm)	0,16	0,00013	0,16	0,16	2.662
Đã từng tự gây thương tích	3,53	0,16761	3,20	3,87	2.662
Đã từng hút thuốc	25,07	0,98174	23,11	27,03	2.662
Hiện đang hút thuốc nhiều hơn 1 lần 1 tuần	68,73	4,49341	59,74	77,72	667
Có người trong gia đình hút thuốc	64,76	2,01164	60,74	68,78	2.662
Đã từng uống hết 1 ly rượu hoặc 1 vại bia	56,87	1,64046	53,59	60,15	2.662
Đã từng say rượu bia	48,64	2,16424	44,31	52,97	1.879
Đã từng nghe nói về thuốc phiện, ma túy, heroin	91,84	0,87784	90,09	93,60	2.662
Biết ai đã dùng ma túy, thuốc phiện, heroin	42,35	4,51542	33,31	51,38	2.662
Có biết phụ nữ trẻ em (nào) bị buôn bán	89,31	1,18405	86,95	91,68	2.662
Biết ít nhất một biện pháp tránh thai	98,97	0,07954	98,81	99,13	2.662
Đã từng sử dụng biện pháp tránh thai	13,10	0,83207	11,43	14,76	2.662
Hiện đang sử dụng biện pháp tránh thai	9,49	0,67856	8,13	10,85	2.662
Trong lần ốm bệnh gần đây nhất có đi chữa trị	70,25	4,70364	60,85	79,66	2.662
Tuổi kết hôn lần đầu	20,60	0,04659	20,51	20,69	253
Tuổi có thai lần đầu	20,65	0,07871	20,49	20,81	163
Tuổi sinh con lần đầu	20,99	0,07974	20,83	21,15	135
Tuổi bắt đầu hút thuốc	16,75	0,01427	16,72	16,77	660
Tuổi bắt đầu uống rượu bia	16,88	0,00849	16,86	16,89	1.462
Tuổi bắt đầu xa nhà từ 1 tháng trở lên	16,73	0,02389	16,68	16,78	700
Tuổi bắt đầu đi làm kiếm tiền	17,57	0,02153	17,53	17,61	1.384
Tuổi bắt đầu đi học	6,35	0,00125	6,35	6,35	2.617
Tuổi thôi học	16,30	0,04273	16,22	16,39	1.176
Quyết định trong việc chọn vợ/chồng	39,67	15,40269	8,86	70,48	255
Đã từng sống xa nhà từ một tháng trở lên	27,30	1,46995	24,36	30,24	2.662

NÔNG THÔN CẢ NƯỚC

	Giá trị	Sai số chuẩn	Khoảng tin cậy 95%		Số quan sát
Từng học việc	16,47	0,66312	15,14	17,80	4.922
Từng đi làm kiếm tiền	55,84	1,71111	52,41	59,26	4.922
Đang làm việc kiếm tiền	34,15	1,58035	30,99	37,31	4.922
Hài lòng với công việc hiện tại	77,03	1,60549	73,82	80,25	1.696
Đang tìm việc (khác)	15,39	0,48538	14,41	16,36	4.922
Tích cực tìm việc trong tuần qua	42,13	3,95057	34,23	50,03	758
Đã từng đi học	95,42	0,28904	94,84	96,00	4.922
Trong số đã từng đi học: hiện đang đi học	42,02	1,45370	39,11	44,93	4.667
Đã từng học thêm	66,01	3,05837	59,89	72,12	1.803
Từng bị người trong gia đình đánh bị thương	1,97	0,05366	1,86	2,08	4.922
Không chơi với nhóm bạn	12,72	0,46683	11,78	13,65	4.922
Có cha mẹ chết (một hoặc cả hai)	9,77	0,41675	8,94	10,60	4.922
Cha mẹ ly dị	1,96	0,08597	1,78	2,13	4.922
Sống xa cha mẹ	10,93	0,49265	9,95	11,92	4.922
Là thành viên của một câu lạc bộ trong cộng đồng	39,96	1,51871	36,92	42,99	4.922
Trong số đã học nghề, tìm được đúng nghề đã học	67,65	5,58871	56,47	78,82	568
Biết đọc biết viết	91,51	0,67289	90,16	92,86	4.922
Internet là một nguồn thông tin về kế hoạch hóa gia đình	4,35	0,16405	4,02	4,68	4.922
Đã từng nghe nói về internet	65,60	2,52420	60,56	70,65	4.922
Đã từng sử dụng internet	8,39	0,45953	7,47	9,30	4.922
Có nhiều nguồn thông tin về HIV	46,66	1,34868	43,97	49,36	4.922
Có cả 4 nguồn thông tin về HIV	60,08	1,40199	57,28	62,89	4.922
Có thông tin đại chúng là nguồn thông tin về HIV	95,58	0,49172	94,60	96,56	4.922
Có gia đình là một nguồn thông tin về HIV	86,67	0,73021	85,21	88,13	4.922
Có các nhà chuyên môn (thầy thuốc/thầy giáo) là nguồn thông tin về HIV	82,94	1,10528	80,73	85,16	4.922
Có các tổ chức đoàn thể là nguồn thông tin về HIV	67,53	1,14714	65,23	69,82	4.922
Đã nghe nói về HIV/AIDS	96,20	0,41558	95,37	97,03	4.922
Nói không biết về đồng tính luyến ái	47,01	1,22439	44,56	49,46	4.634
Biết ít nhất 3 nơi có thể xét nghiệm HIV	64,53	1,05385	62,42	66,64	4.922
Biết ít nhất 6 hành động có thể làm giảm lây nhiễm HIV	81,14	1,13379	78,87	83,41	4.922
Chỉ có một bạn tình	78,47	0,45304	77,57	79,38	4.370
Không quan hệ tình dục với người lạ	89,14	0,30269	88,54	89,75	4.499
Tránh quan hệ tình dục	78,18	0,58282	77,02	79,35	4.439
Tránh mua dâm/bán dâm	92,25	0,18285	91,89	92,62	4.523
Tránh dùng chung bơm kim tiêm	95,51	0,12202	95,26	95,75	4.599
Tránh truyền máu không an toàn	94,36	0,16697	94,02	94,69	4.547

Đã từng mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục	0,20	0,00609	0,19	0,21	4.120
Chưa bao giờ cảm thấy chán về cuộc đời	68,54	0,73785	67,06	70,01	4.922
Chưa bao giờ buồn chán đến mức không thể hoạt động như bình thường	75,58	0,54162	74,50	76,67	4.922
Chưa bao giờ cảm thấy thất vọng về tương lai	80,60	0,45764	79,69	81,52	4.922
Đã từng bị vợ hoặc chồng đánh	5,00	0,89501	3,21	6,79	903
Đã từng bị vợ hoặc chồng làm những điều xấu sau (ít nhất 1/4)	30,28	2,76955	24,74	35,82	903
Từng dùng thử ma túy	0,42	0,01103	0,40	0,45	4.922
Từng tham gia đua xe máy	0,91	0,01891	0,87	0,94	4.922
Từng tham gia gây rối	2,09	0,05897	1,97	2,20	4.922
Từng có quan hệ tình dục trước hôn nhân	7,14	0,35011	6,44	7,84	4.922
Trong số đã có gia đình, từng quan hệ tình dục với người khác ngoài vợ chồng mình	6,10	0,98559	4,12	8,07	902
Trong số chưa có gia đình, đã từng có quan hệ tình dục	4,09	0,14544	3,80	4,38	4.020
Đã từng đánh ai đó đến mức phải điều trị	1,32	0,04130	1,24	1,41	4.922
Đã từng mang vũ khí	1,83	0,05048	1,73	1,93	4.922
Đã từng bị người ngoài đánh bị thương	8,02	0,19167	7,64	8,41	4.922
Đã từng bị người trong gia đình đánh bị thương	1,97	0,05366	1,86	2,08	4.922
Số các chỉ số bạo lực (thang điểm)	0,13	0,00004	0,13	0,13	4.922
Đã từng tự gây thương tích	2,57	0,07527	2,42	2,72	4.922
Đã từng hút thuốc	21,53	0,60032	20,33	22,73	4.922
Hiện đang hút thuốc nhiều hơn 1 lần 1 tuần	69,04	2,78334	63,47	74,60	1.074
Có người trong gia đình hút thuốc	66,95	0,88730	65,18	68,73	4.922
Đã từng uống hết 1 ly rượu hoặc 1 vại bia	45,95	0,89549	44,16	47,74	4.922
Đã từng say rượu bia	47,41	1,68894	44,03	50,79	2.962
Đã từng nghe nói về thuốc phiện, ma túy, heroin	78,57	0,97051	76,63	80,51	4.922
Biết ai đã dùng ma túy, thuốc phiện, heroin	20,80	1,24986	18,30	23,30	4.922
Có biết phụ nữ trẻ em (nào) bị buôn bán	79,17	1,23928	76,69	81,65	4.922
Biết ít nhất một biện pháp tránh thai	96,71	0,15316	96,41	97,02	4.922
Đã từng sử dụng biện pháp tránh thai	14,97	0,71081	13,55	16,39	4.922
Hiện đang sử dụng biện pháp tránh thai	11,65	0,54401	10,56	12,74	4.922
Trong lần ốm bệnh gần đây nhất có đi chữa trị	67,49	1,24318	65,00	69,97	4.922
Tuổi kết hôn lần đầu	19,90	0,01154	19,88	19,92	902
Tuổi có thai lần đầu	19,94	0,01147	19,92	19,96	554
Tuổi sinh con lần đầu	20,31	0,01493	20,28	20,34	475
Tuổi bắt đầu hút thuốc	17,06	0,01021	17,04	17,08	1.060
Tuổi bắt đầu uống rượu bia	16,73	0,00587	16,72	16,74	2.308
Tuổi bắt đầu xa nhà từ 1 tháng trở lên	16,73	0,01383	16,70	16,76	1.401
Tuổi bắt đầu đi làm kiếm tiền	16,12	0,00691	16,11	16,14	2.715
Tuổi bắt đầu đi học	6,71	0,00175	6,71	6,72	4.639
Tuổi thôi học	14,87	0,01152	14,84	14,89	2.715
Quyết định trong việc chọn vợ/chồng	35,70	4,60444	26,49	44,91	903
Đã từng sống xa nhà từ một tháng trở lên	30,59	0,91840	28,75	32,42	4.922